

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 8963/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nội dung, mức hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

1. Đối với lĩnh vực trồng trọt:

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực hiện nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có hoặc còn thiếu. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án.

b) Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện bình tuyển cây đầu dòng, chi phí công nhận vườn cây đầu dòng để cung cấp vật liệu nhân giống do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện. Mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/cây đầu dòng và 25 triệu đồng/vườn cây đầu dòng.

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực hiện hoàn thiện công nghệ sản xuất giống các cấp đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Mức hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

d) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống cây trồng mới, đăng ký bảo hộ giống cây trồng và công bố lưu hành giống theo Luật Trồng trọt. Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.

đ) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng để phục vụ sản xuất. Mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/dự án.

2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ tối đa 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ. Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.

3. Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án.

4. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống. Mức hỗ trợ không quá 55 triệu đồng/ha vườn giống.

b) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Mức hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

5. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước, thực hiện kiểm soát chất lượng giống. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án, cụ thể như sau:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương (gọi tắt là Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND).

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐND. Thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên và hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật được phê duyệt trong từng dự án cụ thể.

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ

chức thuộc tỉnh Lâm Đồng (gọi tắt là Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND); hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND.

6. Đối với nội dung hỗ trợ sản xuất giống được quy định tại điểm d khoản 1 và các khoản 2, 3 và 4 Điều này, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

a) Công lao động kỹ thuật được tính tối đa bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Công lao động phổ thông được tính tối đa bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguồn kinh phí và phân cấp thực hiện hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn ngân sách chi thường xuyên (chi các hoạt động kinh tế) của địa phương bố trí cho dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc giao cho cơ quan chuyên môn quản lý và tổ chức thực hiện.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn khác để thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống.

c) Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống.

2. Phân cấp thực hiện hỗ trợ:

a) Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn khác cấp tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ kinh phí cho các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

b) Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn ban hành danh mục giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác của tỉnh và quy định quy mô dự án đối với từng lĩnh vực để hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận: Ủy

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ: NN và PTNT; Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- TT Tích hợp DL và chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận